

BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP NĂM 1945 - SỰ HỘI TỤ TINH HOA TƯ TƯỞNG CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM VÀ THỜI ĐẠI

HÀ ĐỨC LONG (*)

Tóm tắt: Với chỉ hơn 1.000 từ, nhưng Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 là “Bản hùng ca lập quốc bất hủ” trong dòng chảy lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, thể hiện sự hội tụ tinh hoa tư tưởng của dân tộc Việt Nam và thời đại Hồ Chí Minh. Bài viết làm rõ hơn những giá trị lịch sử vĩ đại của bản Tuyên ngôn Độc lập và gợi mở những vấn đề về vận dụng sáng tạo những tư tưởng đó trong giai đoạn hiện nay để đưa Việt Nam vững bước tiến vào kỷ nguyên mới của dân tộc.

Từ khóa: Bản Tuyên ngôn Độc lập; dân tộc và thời đại; Hồ Chí Minh; sự hội tụ tinh hoa.

Abstract: With just over 1,000 words, the 1945 Declaration of Independence stands as an “immortal epic of nation-building” in the historical continuum of safeguarding and developing the Vietnamese nation. It embodies the convergence of the quintessential thoughts of the Vietnamese nation and the Ho Chi Minh era. This article further clarifies the monumental historical values of the Declaration of Independence and opens discussions on the creative application of these ideas in the present period, thereby guiding Vietnam firmly into a new national era.

Keywords: Declaration of Independence; nation and era; Ho Chi Minh; convergence of quintessence

Ngày nhận bài: 10/8/2025

Ngày biên tập: 09/9/2025

Ngày duyệt đăng: 19/9/2025

Cách đây vừa tròn 80 năm, ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ cách mạng lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), lập nên nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, chấm dứt gần 100 năm đô hộ của thực dân Pháp và hơn 1.000 năm chế độ quân chủ chuyên chế, đưa người dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, làm chủ vận mệnh của mình. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* thể hiện đầy đủ trí tuệ, khí phách, văn hiến, nhân văn, ý chí và khát vọng độc lập, tự do, bình đẳng, bác ái của dân tộc Việt Nam

trong thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh với đường lối, nguyên tắc bất biến về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* còn là sự đóng góp rất quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói riêng, của dân tộc Việt Nam nói chung cho sự phát triển tư tưởng tiến bộ của nhân loại về quyền con người, quyền độc lập tự chủ của các dân tộc trên thế giới, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên phạm vi toàn thế giới, thể hiện sự hội tụ tinh hoa tư tưởng của dân tộc Việt Nam và thời đại qua các nội dung cơ bản sau đây:

Một là, sự hội tụ của dòng chảy chủ nghĩa yêu nước, ý chí độc lập, tự chủ, tự cường, tự tôn dân tộc, lòng khát khao cháy bỏng tự do, hạnh phúc và tinh thần sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, ý thức gắn kết cộng đồng cá nhân, gia đình, làng xã, Tổ quốc của dân tộc Việt Nam.

(*) Đại tá, PGS.TS; Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Trải qua thử thách của lịch sử, chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam luôn gắn kết chặt chẽ với khát vọng được sống trong độc lập, tự do, hạnh phúc của mỗi người dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”⁽¹⁾. Với phương châm xuyên suốt cả dân tộc Việt Nam không tiếc máu, xương quyết tranh đấu bằng được nền độc lập, tự do của dân tộc, hạnh phúc của Nhân dân, trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* bất hủ, Người đã đưa ra lời khẳng định đanh thép: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”⁽²⁾.

Trong công cuộc dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam sớm hình thành và hun đúc truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, ý thức gắn kết cộng đồng cá nhân, gia đình, làng xã, Tổ quốc. Từ truyền thống đoàn kết dân tộc để đi tới thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng kêu gọi: “Dân ta xin nhớ chữ đồng: đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh”⁽³⁾. Từ lời kêu gọi đó, tất cả mọi người Việt Nam yêu nước, không phân biệt già trẻ, gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, đảng phái... đã tập hợp dưới ngọn cờ chính nghĩa của Mặt trận Việt Minh thành những tổ chức cứu quốc, tạo thành sức mạnh vô song tiến lên giành chính quyền, đánh đổ chủ nghĩa thực dân và chế độ quân chủ chuyên chế, lập nên nền cộng hòa dân chủ. Trong bản *Tuyên ngôn Độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa. Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng quyết liệt chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp”⁽⁴⁾.

Hai là, sự hội tụ và phát triển tư tưởng nhân loại về quyền con người, quyền độc lập tự chủ của mỗi quốc gia dân tộc.

Tại bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ ghi rõ: “Mọi người sinh ra đều bình đẳng, rằng tạo hóa đã ban cho họ những quyền tất yếu và bất khả xâm phạm, trong đó có quyền sống, quyền được tự do và mưu cầu hạnh phúc”⁽⁵⁾; và bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng khẳng định: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”⁽⁶⁾. Vì vậy, khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” được giai cấp tư sản giương lên vừa là mục tiêu phấn đấu, vừa là động lực thúc đẩy cuộc cách mạng xã hội phát triển mạnh mẽ và giành thắng lợi.

Song, đến nửa sau của thế kỷ XIX, khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” đã bị giai cấp tư sản lợi dụng và chủ nghĩa đế quốc làm cho tha hóa, trở thành chiêu bài mị dân để ru ngủ các cuộc đấu tranh của người lao động ở chính quốc và đi xâm chiếm, cướp bóc tàn bạo các thuộc địa. Đồng thời, quyền sống, quyền làm người, quyền mưu cầu hạnh phúc và quyền độc lập tự chủ của mỗi quốc gia dân tộc chỉ dành cho một thiểu số người trong xã hội, mà không phải dành cho đại đa số người dân, cũng như chỉ ở một số quốc gia, dân tộc. Dưới chế độ đô hộ của thực dân Pháp ở Việt Nam, các quyền trên đều không được thực hiện, điều đó được nêu rõ trong bản *Tuyên ngôn Độc lập*: “Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”⁽⁷⁾. Do đó, để giành lại quyền sống, quyền làm người, quyền mưu cầu hạnh phúc và nền độc lập, tự do của dân tộc, Nhân dân Việt Nam không có lựa chọn nào khác ngoài con đường đứng lên cầm vũ khí, tiến hành cuộc cách mạng vô sản.

Khi đề cập vấn đề quyền con người trên cơ sở nội dung quyền con người trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791, trong bản *Tuyên ngôn Độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những

quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do⁽⁸⁾. Như vậy, quyền con người không phải chỉ thiếu số người, mà “tất cả mọi người” đều sinh ra bình đẳng và đều được hưởng các quyền thiêng liêng của mỗi con người, nhất là quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc. Từ chỗ quyền con người chỉ dành cho một thiểu số trở thành quyền dành cho tất cả mọi người, của tất cả các dân tộc được sống trong độc lập, tự do, hạnh phúc, đồng thời là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của tất cả mọi người, cũng như của tất cả các dân tộc, trở thành chân lý, “những lẽ phải không ai chối cãi được”. Đó thực sự là một đóng góp quan trọng, một bước phát triển lớn sự hội tụ và phát triển tư tưởng nhân loại về quyền con người, quyền độc lập tự chủ của mỗi quốc gia dân tộc.

Ba là, thể hiện sự thống nhất tư tưởng giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp và tinh thần quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng bằng mọi giá dưới sự lãnh đạo của Đảng ta.

Mang trong mình chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, người thanh niên Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước (ngày 05/6/1911). Sau 10 năm như sự hẹn trước của lịch sử, Người tìm thấy con đường giải phóng dân tộc ở chủ nghĩa Mác - Lênin, qua việc đọc tác phẩm “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của V.I.Lênin đăng trên báo L’Humanité, số ra ngày 16 và 17/7/1920 và Người đã thốt lên: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”⁽⁹⁾. Từ đó, Người tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa Mác - Lênin và kế thừa, vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong đó có quan điểm về giai cấp và dân tộc vào điều kiện, tình hình cụ thể của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, sau 10 năm ra sức chuẩn bị mọi mặt cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, ngày 03/02/1930 dưới sự chủ trì của Người, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Trong Chánh cương vắn tắt của Đảng chỉ rõ:

“Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”⁽¹⁰⁾; “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được tự do độc lập cho toàn dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”⁽¹¹⁾. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập”⁽¹²⁾.

Vì vậy, có thể khẳng định bản *Tuyên ngôn Độc lập* chính là sự thể hiện thành quả vĩ đại của cuộc vận động cách mạng từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 cho đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945, là kết quả của đường lối đúng đắn và sự chỉ đạo chiến lược tài tình của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và giai cấp ở Việt Nam lúc bấy giờ. Đúng như trong *Tuyên ngôn Độc lập* khẳng định: “Sự thực là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”⁽¹³⁾.

Các nhà kinh điển mác xít chỉ rõ giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền càng khó hơn nhiều: “Một cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi nó biết tự vệ”⁽¹⁴⁾. Bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được là một tất yếu khách quan, mang tính chính nghĩa, đó là một trong những vấn đề có tính quy luật của cách mạng vô sản. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, V.I.Lênin chỉ rõ: “Kể từ ngày 25/10/1917, chúng ta là những người chủ trương bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta tán thành “bảo vệ Tổ quốc”, những cuộc chiến tranh giữ nước mà chúng ta đang đi tới là một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chủ nghĩa xã hội với tính cách là Tổ quốc, bảo vệ nước Cộng hòa Xô viết với tính cách là một đơn vị trong đạo quân thế giới của chủ nghĩa xã hội”⁽¹⁵⁾.

Thấm nhuần tư tưởng bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa của V.I.Lênin và truyền thống dựng nước đi đôi với giữ nước của dân tộc, ngay sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh

đã tuyên bố trước thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”⁽¹⁶⁾. Như vậy, tư tưởng trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* thể hiện rất rõ ràng về sự kế thừa và phát triển tư tưởng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của các nhà kinh điển mácxít vào thực tiễn cách mạng Việt Nam; đồng thời là sự biểu thị mạnh mẽ ý chí quyết tâm truyền dẫn từ truyền thống dân tộc ngàn đời nay.

Bốn là, Tuyên ngôn Độc lập là bản cáo trạng đanh thép đối với thực dân Pháp và phát xít Nhật, biểu thị tinh thần bao dung, nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam, góp phần cổ vũ và thúc tỉnh phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.

Bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã tố cáo đanh thép chính sách tàn bạo của chủ nghĩa thực dân Pháp và phát xít Nhật ở Việt Nam trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội; nhưng cũng biểu thị tinh thần bao dung, nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam. Có thể nói, công cuộc khai hóa của bọn thực dân Pháp, phát xít Nhật xâm lược đã làm cho dân ta hơn hai triệu người chết đói, đời sống vật chất thiếu thốn, tinh thần bị đầu độc. Dân tộc Việt Nam bị “dìm đắm dưới gót sắt đẫm máu của đị tộc”⁽¹⁷⁾; đưa đến “Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói”⁽¹⁸⁾. Thế nhưng với truyền thống bao dung, nhân nghĩa: “Đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng, tài sản cho họ”⁽¹⁹⁾.

Cùng với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được khẳng định trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã góp phần thúc tỉnh và cổ vũ, động viên to lớn các dân tộc đang bị áp bức ở châu Á, châu Phi, khu vực Mỹ La-tinh, trước hết là các dân tộc trên bán đảo Đông Dương đang bị thực dân Pháp cai trị, vùng dậy đấu tranh giành độc lập, tự

do với tinh thần “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Bởi vậy, bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã ghi dấu một trang sử vàng vẻ vang trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam; chấm dứt chính thể quân chủ chuyên chế và chế độ thực dân áp bức, mở ra một kỷ nguyên dân chủ cộng hòa; khẳng định quyền con người và phẩm giá con người; quyền dân tộc và quyền tự quyết của mỗi dân tộc.

Ngày nay, thế và lực của đất nước ta đã thay đổi, sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước sau gần 40 năm đạt nhiều thành tựu quan trọng, có ý nghĩa to lớn. Tuy nhiên, đất nước ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức; tác động nhiều chiều đến mô hình, phương thức phát triển đất nước... Trong khi đó, “Cục diện thế giới đang có sự chuyển biến nhanh, phức tạp chưa từng có theo hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng và phân tuyến mạnh. Hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều thách thức mới, có tính chất phức tạp hơn”⁽²⁰⁾. Như vậy, tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen, “đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới cao hơn... đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”⁽²¹⁾.

Theo đó, một lần nữa dân tộc ta lại đứng trước một thách thức mang tính thời đại. Nếu thách thức trước đây đặt ra cho các thế hệ người Việt Nam là giải phóng dân tộc, giành lại độc lập và thống nhất cho Tổ quốc, chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu; thì thách thức đặt ra cho các thế hệ người Việt Nam hôm nay là phải đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: “Tiến mạnh trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc; thực hiện thành công mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”⁽²²⁾.

Trong bối cảnh đó, việc phát huy tinh thần và tư tưởng của bản *Tuyên ngôn Độc lập* cần gắn liền với điều kiện thực tiễn trong nước cũng như thế giới, thực hiện đúng quy luật với những phương thức và biện pháp phù hợp

với điều kiện hoàn cảnh của nước ta và xu thế tiến bộ của thời đại. Nhất quán tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải thực hiện thành công: “Cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, hệ thống chính trị hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân là đòn bẩy đưa đất nước bước vào kỷ nguyên thịnh vượng sẽ là bộ 3 đột phá nhất thể tạo cơ hội lịch sử mới cho sự phát triển mạnh mẽ đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”⁽²³⁾.

Theo đó, cần phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của Nhân dân, ý thức độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, trong đó lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc. Nhất quán nguyên tắc kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện, hoàn cảnh hiện nay của đất nước; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với Nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

Đồng thời, cần “Phát huy sức mạnh của Nhân dân, khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thế trận lòng dân; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa”⁽²⁴⁾. Bảo đảm trên hết và trước hết lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác cùng có lợi. Mọi chủ trương, đường lối của

Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của Nhân dân. Đặc biệt, lấy xây dựng đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cấp ủy đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc và yêu cầu chính đáng của người dân; có hình thức, cơ chế, biện pháp cụ thể, thích hợp để người dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện có hiệu quả quyền làm chủ của người dân lao động trên mọi phương diện, đúng với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Chú trọng xây dựng, phát huy vai trò của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

Ghi chú:

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.37.

(2), (4), (6), (7), (8), (13), (16), (18), (19) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, sdd, tr.1, tr.3, tr.1, tr.1, tr.1, tr.2, tr.3, tr.3, tr.3.

(3), (10) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, sdd, tr.266, tr.3.

(5) Xem, <https://luatminhkhue.vn/tim-hieu-ve-tuyen-ngon-doc-lap-nam-1876-cua-hoa-ky.aspx>.

(9) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, sdd, tr.562.

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Nxb CTQG-ST, H.2000, tr.113.

(12) Đại tướng Võ Nguyên Giáp - *Tổng tập hồi ký*, Nxb Quân đội nhân dân, H.2011, tr.129-130.

(14), (15) V.I.Lênin, *Toàn tập*, tập 36, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1981, tr.102, tr.102.

(17) Báo cáo trước Đại hội Quốc tế chống xâm lược tại Liễu Châu, ngày 16/3/1944. Tư liệu Bảo tàng Hồ Chí Minh.

(20), (21), (22), (23), (24) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng*, Nxb CTQG-ST, H.2025, tr.23, tr.25, tr.27, tr.25, tr.26.